

Bản án số: 62/2025/DS-ST
Ngày: 24 - 02 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng đặt cọc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Bửu Khánh

Bà Nguyễn Thị Cẩm Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang:
Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 320/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng đặt cọc theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-DS, ngày 13 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp HK, xã VT, huyện LV, tỉnh ĐT

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ph (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp BB, xã HH, huyện GR, tỉnh KG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà N là người thu mua lúa và có làm ăn qua lại với chị Nguyễn Thị Ph. Cụ thể vào ngày 22/6/2023 (âm lịch), chị Ph gọi điện thoại cho bà để hợp đồng mua cho bà 114 tấn lúa, loại OM18 (với hai mức giá cụ thể 32 tấn có giá 7.800 đồng/kg và 85 tấn giá 7.600 đồng/kg). Thỏa thuận từ ngày mùng 1 đến ngày 7/7/2023 (âm lịch) sẽ lấy lúa tại ấp Vĩnh Thanh, xã Vĩnh Hòa, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu. Do tin tưởng nhau nên không làm hợp đồng chỉ thông qua điện thoại, bà N đã chuyển khoản đặt cọc cho chị Ph 60.000.000 đồng. Khi đến hạn nhận lúa, bà N đến địa chỉ đã thỏa thuận để nhận lúa nhưng chị Ph không có lúa để giao và nài nỉ sẽ hoàn số tiền cọc lại cho bà N, bà cũng đồng ý và hai bên thống nhất không tiếp tục thực hiện cọc mà chỉ nhận lại tiền đã giao. Sau khi bà thống nhất cho chị Ph trả lại tiền nhưng chị Ph kéo dài không trả lại số tiền đã nhận nên bà yêu cầu Tổ hòa giải ấp Bảy Bền, xã Hòa Hưng giải quyết thì chị Ph hứa trả trước 20.000.000 đồng, khi đến hạn chị Ph chỉ trả

được 15.000.000 đồng thì ngưng cho đến nay. Nay xét thấy chị Ph không có thiện chí trả lại số tiền cọc đã nhận nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị Nguyễn Thị Ph trả lại cho bà số tiền cọc còn lại là 45.000.000 đồng. Ngoài ra bà không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Ph vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc, hoà giải tại Tòa án. Đồng thời cũng không có ý kiến bằng văn bản phản hồi đối với yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị Ph.

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và tại phiên toà Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đúng theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không mặt Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nên đề nghị tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc chị Ph phải trả lại số tiền cọc còn lại là 45.000.000 đồng.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N yêu cầu chị Nguyễn Thị Ph phải trả lại số tiền đặt cọc mua lúa, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời bị đơn chị Nguyễn Thị Ph có nơi cư trú tại ấp Bảy Bền, xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang và Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng.

[2] Xét về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N có đơn xin vắng mặt; bị đơn chị Nguyễn Thị Ph đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; triệu tập để Tòa án làm việc; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và

Quyết định hoãn phiên toà nhưng chị Ph vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị Ph.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị N yêu cầu chị Nguyễn Thị Ph trả lại số tiền đặt cọc mua lúa còn là 45.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy tại Biên bản hòa giải của ấp Bảy Bền, xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, chị Nguyễn Thị Ph xác định có nhận số tiền cọc của bà N là 60.000.000 đồng và cam kết sau 01 tháng kể từ ngày 04/10/2023 sẽ trả số tiền này cho bà N (Bút lục 04). Theo bà N xác định sau khi qua thời gian cam kết chị Ph chỉ trả cho bà số tiền 15.000.000 đồng còn lại 45.000.000 đồng thì ngưng không trả cho đến nay. Tòa án đã tiến hành thông báo cho chị Nguyễn Thị Ph là bị đơn được biết nhưng chị Ph không có ý kiến phản hồi và vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng. *Tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.* Như vậy chị Ph, đã tước bỏ quyền chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng, nên chị Ph phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật này. Qua yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy, tại biên bản hòa giải tại ấp chị Ph đã thừa nhận đã nhận số tiền nhận tiền cọc như nguyên đơn trình bày. Nay nguyên đơn xác nhận chị Ph đã trả được 15.000.000 đồng còn lại 45.000.000 đồng buộc chị Ph phải có trách nhiệm trả lại cho bà N do các bên đã thống nhất không tiếp tục thực hiện việc mua lúa. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và chấp nhận yêu khởi kiện của nguyên đơn buộc chị Ph phải có trách nhiệm trả lại số tiền đặt cọc mua lúa còn lại là 45.000.000 đồng (Bốn mươi năm triệu đồng).

[4] Án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận và là người cao tuổi nên không phải chịu án phí.

Chị Nguyễn Thị Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch số tiền trả lại cho bà N là 45.000.000 đồng x 5% = 2.250.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm chục nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Điều 328; Điều 422 của Bộ luật Dân sự 2015;

Áp dụng Điều 12 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N. Buộc chị Nguyễn Thị Ph phải trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền đặt cọc mua lúa còn lại là 45.000.000 đồng (Bốn mươi năm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí.

Chị Nguyễn Thị Ph phải chịu án phí có giá ngạch là 2.250.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm chục nghìn đồng).

3. Quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo: Bà Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Ph vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 7b Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- CCTHADS huyện Giồng Riềng;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

